

**DANH SÁCH HỌC SINH XÉT HỌC BỔNG HỌC KÌ 2 - KHÓA 21 - TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP ( 2010 - 2011 )**  
**LỚP : NGOẠI THƯƠNG 21**

Gvcn: Cô Bùi Thị Kim Uyên

Tổng số học sinh: 90

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Giáo dục thể chất 3 ĐVHT	Kinh tế chính trị (2) 3 ĐVHT	Anh văn (2) 3 ĐVHT	Quản trị học 3 ĐVHT	Luật thương mại Q.Tế 3 ĐVHT	Nguyên lý kế toán 3 ĐVHT	Marketing CB 3 ĐVHT	Anh văn (3) 3 ĐVHT	Tin học CB 3 ĐVHT	Điểm TBC Học tập HK2	Điểm rèn luyện HK2	Xét Học Bổng HK2	GHI CHÚ
1	Trình Hùng	An	13/05/91	7.5	3.5	2.5	0.0	4.5	2.0	2.0	4.0	5.5	3.5	35		
2	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/11/90	7.5	6.0	5.5	7.5	7.0	8.0	6.5	5.0	7.5	6.7	100		
3	Nguyễn Phi	Âu	05/06/91	8.0	7.0	5.5	6.0	6.0	8.0	5.5	5.0	8.5	6.6	87		
4	Nguyễn Thanh	Bình	05/11/92	7.5	6.5	6.0	6.5	6.0	3.5	6.0	5.0	6.5	5.9	84		
5	Hồ Thị Ngọc	Bình	20/11/92	7.5	6.0	5.0	5.0	5.5	5.0	6.0	5.0	3.5	5.4	90		
6	Dương Chí	Công	08/07/88	7.0	6.0	7.0	6.0	6.5	8.0	6.5	5.0	8.5	6.7	75		
7	Nguyễn Thị Phương	Châu	17/05/92	9.0	7.0	5.5	6.0	5.5	8.5	6.5	5.0	8.0	6.8	90		
8	Nguyễn Phúc	Chinh	16/04/90	6.0	3.5	3.5	2.5	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	1.8	35		
9	Lê Thị Thu	Diễm	01/01/92	6.5	6.0	6.0	6.5	5.0	4.5	6.5	5.0	5.0	5.7	82		
10	Võ Lê Thùy	Dung	05/11/92	6.5	6.0	6.0	6.0	3.0	4.0	7.5	6.0	7.5	5.8	81		
11	Nguyễn Trường	Duy	20/07/89	6.5	3.5	2.5	2.5	3.0	1.0	0.0	0.0	1.0	2.2	35		
12	Huỳnh Thị Kim	Duyên	27/09/91	7.0	6.5	5.5	5.0	5.5	5.0	5.5	5.0	6.5	5.7	88		
13	Khương Thùy	Dương	25/09/92	7.0	6.0	4.5	5.5	5.0	6.0	6.5	5.0	8.5	6.0	93		
14	Đỗ Anh	Đào	25/02/90	6.5	5.5	6.0	4.0	5.0	4.0	5.5	3.5	6.0	5.1	46		
15	Phạm Quốc Thiên	Đạt	25/04/91	6.5	6.0	5.0	4.5	5.0	4.0	6.5	4.5	7.5	5.5	44		
16	Nguyễn Thị Hoài	Đức	10/12/92	8.0	5.5	6.0	5.0	5.0	6.0	5.5	6.0	6.5	5.9	87		
17	Lê Thành	Được	16/10/91	6.5	3.5	6.5	6.5	6.5	3.5	7.0	4.0	7.5	5.7	55		

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Giáo dục thể chất	Kinh tế chính trị (2)	Anh văn (2)	Quản trị học	Luật thương mại Q.Té	Nguyên lý kế toán	Marketing CB	Anh văn (3)	Tin học CB	Điểm TBC Học tập HK2	Điểm rèn luyện HK2	Xét Học Bổng HK2	GHI CHÚ
				3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT					
18	Nguyễn Thành	Được	30/03/90	<b>0.5</b>	<b>2.0</b>	<b>3.5</b>	<b>2.5</b>	<b>2.0</b>	<b>4.0</b>	6.0	<b>3.0</b>	6.0	<b>3.3</b>	<b>55</b>		
19	Hồ Văn	Giỏi	12/02/92	9.5	6.0	6.0	6.0	6.5	7.0	6.5	5.5	7.0	<b>6.7</b>	<b>90</b>		
20	Nguyễn Kim	Hà	24/10/92	7.0	5.5	6.0	5.5	6.5	5.5	7.0	5.0	8.0	<b>6.2</b>	<b>87</b>		
21	Trần Đình	Hải	20/09/88	8.0	6.0	5.5	5.5	6.5	5.0	6.5	5.0	7.0	<b>6.1</b>	<b>72</b>		
22	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	25/06/91	8.0	<b>4.5</b>	<b>4.5</b>	5.0	5.5	<b>4.5</b>	6.0	<b>3.5</b>	<b>2.5</b>	<b>4.9</b>	<b>78</b>		
23	Phan Thị	Hiếu	25/06/91	8.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.0	7.0	5.0	8.5	<b>6.2</b>	<b>84</b>		
24	Lê Phùng	Hiếu	24/02/91	7.5	7.5	6.0	<b>0.0</b>	6.0	<b>4.5</b>	7.5	<b>4.5</b>	7.0	<b>5.6</b>	<b>69</b>		
25	Nguyễn Tường	Hóa	04/10/89	9.0	6.0	<b>4.5</b>	5.5	7.0	6.0	5.0	<b>4.0</b>	7.5	<b>6.1</b>	<b>69</b>		
26	Trần Tuấn	Hùng	01/09/91	7.5	6.5	8.0	5.0	5.5	<b>4.5</b>	6.0	5.0	7.0	<b>6.1</b>	<b>72</b>		
27	Lê Như	Huỳnh	18/02/92	9.0	7.0	7.5	7.0	6.0	7.5	7.0	7.0	5.0	<b>7.0</b>	<b>87</b>	<i>Khá</i>	
28	Đặng Thị	Hương	22/05/92	8.5	5.5	6.5	6.0	6.0	8.5	6.0	6.0	7.5	<b>6.7</b>	<b>87</b>		
29	Lê Thị Oanh	Kiều	24/10/91	9.0	5.5	6.0	7.0	6.0	6.5	6.5	6.5	7.0	<b>6.7</b>	<b>90</b>		
30	Tiên	Kiều	28/02/90	8.0	5.0	6.5	<b>4.5</b>	5.5	<b>4.0</b>	5.5	6.0	7.0	<b>5.8</b>	<b>78</b>		
31	Phan Tuấn	Khanh	06/08/90	8.0	6.5	7.0	5.5	6.0	<b>4.5</b>	6.0	5.5	7.5	<b>6.3</b>	<b>79</b>		
32	Bùi Thị Ngọc	Liễu	16/11/90	9.0	6.5	7.5	6.0	5.5	6.0	6.5	6.5	8.5	<b>6.9</b>	<b>84</b>		
33	Đặng Thị Thùy	Linh	20/02/89	7.0	6.0	6.5	<b>3.5</b>	6.5	7.5	6.5	6.0	7.0	<b>6.3</b>	<b>75</b>		
34	Nguyễn Trúc	Linh	05/06/91	9.0	7.0	6.0	6.0	7.0	6.0	6.5	5.0	8.0	<b>6.7</b>	<b>87</b>		
35	Nguyễn Mai Tùng	Lĩnh	22/09/90	9.0	7.0	5.5	<b>3.0</b>	6.0	<b>3.5</b>	7.0	<b>4.0</b>	6.0	<b>5.7</b>	<b>75</b>		
36	Ông Thị Cẩm	Loan	14/04/92	8.0	6.5	5.5	5.5	6.0	6.0	6.5	6.0	7.0	<b>6.3</b>	<b>84</b>		
37	Nguyễn Minh	Luân	25/05/91	9.0	7.5	<b>4.0</b>	7.5	6.5	6.5	7.0	6.5	8.5	<b>7.0</b>	<b>76</b>		
38	Nguyễn Đại	Lượng	08/11/92	9.5	5.0	6.5	6.0	6.0	7.0	6.0	5.0	8.0	<b>6.6</b>	<b>81</b>		
39	Văn Thị Tường	My	13/02/91	9.0	7.0	6.0	7.5	5.5	7.5	7.5	8.0	7.5	<b>7.3</b>	<b>85</b>	<i>Khá</i>	
40	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/09/92	9.5	6.5	7.5	6.5	6.0	7.0	9.0	7.0	8.0	<b>7.4</b>	<b>89</b>	<i>Khá</i>	

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Giáo dục thể chất	Kinh tế chính trị (2)	Anh văn (2)	Quản trị học	Luật thương mại Q.Té	Nguyên lý kế toán	Marketing CB	Anh văn (3)	Tin học CB	Điểm TBC Học tập HK2	Điểm rèn luyện HK2	Xét Học Bổng HK2	GHI CHÚ
				3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT					
41	Nguyễn Văn	Ngoan	00/00/91	9.0	6.0	5.0	5.0	5.5	5.0	6.0	<u>4.0</u>	7.0	5.8	78		
42	Nguyễn Thị	Nguyệt	02/04/88	7.5	7.0	7.0	6.0	6.0	5.0	7.0	<u>4.5</u>	8.5	6.5	81		
43	Đàm Thị Yên	Nhi	04/05/92	7.0	5.5	5.5	5.5	6.0	<u>3.5</u>	7.0	<u>4.5</u>	8.5	5.9	78		
44	Nguyễn Hữu	Phi	04/08/92	8.5	6.5	5.5	<u>3.0</u>	6.0	6.5	7.5	<u>3.0</u>	8.0	6.1	63		
45	Phạm Hồng Thiên	Phú	24/04/92	8.0	6.5	7.5	5.0	5.0	<u>4.0</u>	7.0	5.0	7.0	6.1	55		
46	Nguyễn Mỹ	Phụng	12/05/92	8.0	<u>3.5</u>	5.0	<u>4.0</u>	5.5	<u>4.5</u>	6.5	<u>4.5</u>	7.0	5.4	70		
47	Lê Thị Nhi	Phuong	15/11/91	9.0	7.5	6.5	5.5	6.0	7.0	7.5	6.0	7.5	6.9	90		
48	Đào Thanh	Phuong	29/09/89	7.5	5.0	5.0	5.0	5.5	5.0	6.0	5.5	7.0	5.7	76		
49	Hồ Minh	Phuong	10/10/91	<u>0.0</u>	6.0	<u>3.0</u>	<u>0.0</u>	<u>2.5</u>	<u>3.5</u>	<u>2.0</u>	<u>3.5</u>	5.0	<u>2.8</u>	55		
50	Nguyễn Lý Minh	Quân	26/06/90	7.5	<u>4.0</u>	<u>3.5</u>	<u>3.0</u>	5.0	<u>4.0</u>	<u>3.5</u>	5.0	<u>3.5</u>	<u>4.3</u>	35		
51	Hà Anh	Quân	27/01/89	9.5	6.5	7.5	<u>4.0</u>	6.0	5.0	6.5	6.0	7.5	6.5	84		
52	Tạ Văn	Quyết	10/11/90	9.5	7.0	8.0	7.5	7.0	10.0	7.5	5.0	10.0	7.9	84	Khá	
53	Vòng A	Sáng	17/04/90	10.0	7.5	7.5	7.5	7.0	8.0	6.5	7.0	9.5	7.8	92	Khá	
54	Nguyễn Anh	Tài	01/12/91	8.5	7.0	<u>4.5</u>	5.0	5.5	<u>4.5</u>	5.5	<u>4.5</u>	8.0	5.9	82		
55	Đỗ Đức	Tam	06/10/92	7.0	7.5	<u>3.0</u>	6.5	6.0	6.0	6.5	7.5	8.5	6.5	78		
56	Lê Ngọc	Tánh	17/04/91	9.0	7.5	6.0	<u>3.0</u>	5.5	<u>3.0</u>	6.0	<u>4.0</u>	8.0	5.8	66		
57	Đỗ Nguyễn Thùy	Tiên	08/09/92	8.5	6.0	7.0	7.0	6.0	6.0	6.0	6.5	8.5	6.8	94		
58	Nguyễn Đức	Toàn	30/03/92	8.5	6.0	7.0	5.5	5.5	6.5	6.5	5.0	8.5	6.6	90		
59	Võ Minh	Tuấn	01/08/90	9.0	<u>4.0</u>	5.5	<u>2.5</u>	<u>4.5</u>	<u>3.5</u>	6.0	<u>3.5</u>	8.0	5.2	55		
60	Dư Anh	Tuấn	30/07/91	9.0	6.0	5.5	6.5	5.5	<u>3.5</u>	6.0	5.0	6.5	5.9	72		
61	Mai Thị Hồng	Tuyết	14/06/92	8.5	6.5	5.5	6.0	6.0	8.5	7.0	5.5	8.5	6.9	90		
62	Đỗ Quốc	Thái	12/04/90	10.0	6.5	8.0	5.0	5.5	<u>3.5</u>	6.5	5.5	8.5	6.6	70		
63	Phạm Thanh	Thanh	03/12/92	8.0	6.0	5.0	5.0	6.0	<u>3.5</u>	6.0	5.0	8.5	5.9	75		

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Giáo dục thể chất	Kinh tế chính trị (2)	Anh văn (2)	Quản trị học	Luật thương mại Q.Té	Nguyên lý kế toán	Marketing CB	Anh văn (3)	Tin học CB	Điểm TBC Học tập HK2	Điểm rèn luyện HK2	Xét Học Bổng HK2	GHI CHÚ
				3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT				
64	Nguyễn Thị Thanh	<b>Thanh</b>	28/02/92	8.0	6.5	6.5	5.0	<b>4.0</b>	<b>4.0</b>	6.0	5.0	6.0	<b>5.7</b>	<b>85</b>		
65	Thiệu Hồng	<b>Thanh</b>	10/08/92	7.5	6.0	5.0	<b>4.5</b>	5.5	<b>4.5</b>	6.0	5.0	7.5	<b>5.7</b>	<b>81</b>		
66	Nguyễn Thị Thu	<b>Thảo</b>	28/02/90	8.5	6.5	6.5	5.5	5.5	7.0	5.0	5.0	7.5	<b>6.3</b>	<b>82</b>		
67	Phạm Thị Phương	<b>Thảo</b>	10/10/92	6.5	5.5	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	6.0	<b>1.5</b>	6.5	5.0	<b>2.5</b>	<b>4.4</b>	<b>55</b>		
68	Nguyễn Minh	<b>Thảo</b>	22/01/88	7.0	7.0	5.5	<b>4.5</b>	5.5	<b>4.5</b>	5.0	<b>4.5</b>	6.0	<b>5.5</b>	<b>78</b>		
69	Nguyễn Thị Xuân	<b>Thảo</b>	17/01/92	7.0	6.0	<b>4.0</b>	<b>0.0</b>	<b>2.0</b>	<b>3.5</b>	5.5	<b>4.5</b>	5.0	<b>4.2</b>	<b>55</b>		
70	Nguyễn Thị Đăng	<b>Thân</b>	20/12/92	6.5	5.5	5.5	5.0	5.5	<b>4.0</b>	6.0	5.0	6.0	<b>5.4</b>	<b>90</b>		
71	Trần Hữu	<b>Thiện</b>	06/02/87	9.5	5.5	6.0	<b>4.5</b>	5.5	6.5	6.0	<b>4.5</b>	6.0	<b>6.0</b>	<b>53</b>		
72	Trần Văn	<b>Thịnh</b>	09/10/90	8.0	6.0	<b>3.0</b>	<b>2.5</b>	5.5	<b>3.0</b>	5.0	<b>4.0</b>	6.0	<b>4.8</b>	<b>55</b>		
73	Lý Hữu	<b>Thọ</b>	03/09/88	9.0	7.0	7.5	7.0	6.0	5.5	6.0	5.0	8.5	<b>6.8</b>	<b>73</b>		
74	Trần Thị Thu	<b>Thủy</b>	21/10/89	8.5	6.0	8.0	6.0	6.5	6.5	6.0	5.5	8.5	<b>6.8</b>	<b>79</b>		
75	Nguyễn Thị Minh	<b>Thư</b>	12/08/90	8.0	6.0	6.5	7.0	6.0	6.0	6.5	6.0	7.5	<b>6.6</b>	<b>72</b>		
76	Nguyễn Ngọc Minh	<b>Thư</b>	20/12/91	8.5	6.5	5.0	5.0	6.0	<b>4.0</b>	6.0	5.0	6.5	<b>5.8</b>	<b>87</b>		
77	Trần Thị Bích	<b>Trâm</b>	22/04/91	7.0	7.0	7.5	7.0	6.0	<b>4.5</b>	7.0	5.5	9.0	<b>6.7</b>	<b>95</b>		
78	Phạm Minh	<b>Trí</b>	22/08/88	9.0	6.5	6.0	6.5	5.5	6.5	6.5	6.5	9.0	<b>6.9</b>	<b>62</b>		
79	Nguyễn Thị Bích	<b>Trinh</b>	26/04/92	7.5	5.5	5.0	5.5	5.5	5.5	6.0	<b>4.0</b>	9.5	<b>6.0</b>	<b>78</b>		
80	Huỳnh Thị	<b>Trúc</b>	10/09/92	7.0	5.5	5.0	<b>3.0</b>	5.5	5.5	6.5	5.0	8.5	<b>5.7</b>	<b>72</b>		
81	Nguyễn Thị Hồng	<b>Trúc</b>	20/06/91	9.0	6.5	5.5	<b>3.5</b>	7.0	6.5	6.5	<b>3.5</b>	7.5	<b>6.2</b>	<b>64</b>		
82	Mai Minh	<b>Trung</b>	09/10/90	7.5	6.0	<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>2.5</b>	<b>3.5</b>	<b>0.0</b>	<b>0.0</b>	7.0	<b>3.6</b>	<b>35</b>		
83	Lê Hoàng	<b>Trung</b>	28/08/92	7.0	6.0	6.5	6.0	6.0	<b>3.5</b>	6.5	5.0	8.0	<b>6.1</b>	<b>81</b>		
84	Nguyễn Phước	<b>Trương</b>	14/10/90	7.0	6.5	5.0	<b>4.5</b>	6.0	5.0	6.0	5.0	<b>3.5</b>	<b>5.4</b>	<b>78</b>		
85	Trần Văn	<b>Trường</b>	09/07/92	9.0	6.5	5.5	5.0	5.0	5.5	7.0	<b>4.0</b>	8.5	<b>6.2</b>	<b>90</b>		
86	Nguyễn Thị Bích	<b>Vân</b>	18/09/92	9.0	6.5	5.5	5.5	5.5	6.0	5.5	5.0	9.0	<b>6.4</b>	<b>90</b>		

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giáo dục thể chất 3 ĐVHT	Kinh tế chính trị (2) 3 ĐVHT	Anh văn (2) 3 ĐVHT	Quản trị học 3 ĐVHT	Luật thương mại Q.Tế 3 ĐVHT	Nguyên lý kế toán 3 ĐVHT	Marketing CB 3 ĐVHT	Anh văn (3) 3 ĐVHT	Tin học CB 3 ĐVHT	Điểm TBC Học tập HK2	Điểm rèn luyện HK2	Xét Học Bổng HK2	GHI CHÚ
87	Ngô Thị Thùy Vân	20/11/89	7.5	6.5	6.0	5.5	6.0	5.5	6.5	6.0	8.5	6.4	84		
88	Huỳnh Phạm Quốc Việt	02/09/91	9.0	6.0	<u>3.5</u>	5.0	<u>4.5</u>	<u>3.0</u>	5.5	<u>4.5</u>	6.5	5.3	55		
89	Ngô Thảo Vương	08/01/92	7.5	5.5	6.5	6.0	6.0	<u>4.5</u>	6.5	5.0	7.5	6.1	93		
90	Mã Minh Xuân	09/05/91	7.5	<u>3.5</u>	<u>3.0</u>	<u>3.0</u>	<u>3.0</u>	<u>1.5</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>3.0</u>	<u>2.7</u>	35		

<b>XẾP LOẠI</b>	
Xuất sắc :	0
Giỏi :	0
Khá :	5

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2011  
**KHOA THƯƠNG MẠI - DU LỊCH**  
**TRƯỞNG KHOA**

**Phạm Văn Nhuận**